

Số: 170/2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 04 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 041/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15; Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 58/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 821/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 7 năm 2026; ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 919/BC-STP ngày 22 tháng 7 năm 2026 và ý kiến thành viên

Ủy ban nhân dân tỉnh được Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp tại Công văn số 3677/VP-NNXD ngày 04 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 041/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất”

2. Bổ sung khoản 23 vào sau khoản 22 như sau:

“23. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số mục của Phụ lục I như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Mục IV Phần A như sau:

STT	Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra %		Ghi chú
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
IV	Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất				
1	Xây dựng Bảng giá đất (theo khu vực, vị trí)				
1.1	Xác định loại đất, khu vực, vị trí tại từng xã, phường				
	- Kết quả xác định loại đất	Báo cáo kèm bảng biểu	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả xác định khu vực	Báo cáo kèm bảng biểu	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả xác định vị trí đất	Báo cáo kèm bảng biểu	100	20	Phiếu YKKT
1.2	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất; các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại xã, phường				
	- Thu thập thông tin về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại xã, phường	Phiếu	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra %		Ghi chú
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
	- Phiếu thu thập thông tin về thửa đất	Phiếu	100	20	Phiếu YKKT
1.3	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại xã, phường				
	- Bảng thống kê giá đất tại xã, phường	Bảng thống kê	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại xã, phường	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.4	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp tỉnh và đánh giá kết quả thực hiện Bảng giá đất hiện hành				
	- Bảng tổng hợp giá đất cấp tỉnh	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo phân tích, đánh giá kết quả thực hiện Bảng giá đất hiện hành	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
1.5	Kết quả xây dựng Bảng giá đất				
	- Bảng giá đất	Bảng giá	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo thuyết minh xây dựng Bảng giá đất	Báo cáo	100	30 (nội dung kết quả đề xuất phương án Bảng giá đất)	Phiếu YKKT
2	Sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất				
2.1	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất; các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại xã, phường				

STT	Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra %		Ghi chú
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
	- Thu thập thông tin về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại xã, phường	Phiếu	100	20	Phiếu YKKT
	- Phiếu thu thập thông tin về thửa đất	Phiếu	100	20	Phiếu YKKT
2.2	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại xã, phường				
	- Bảng thống kê giá đất tại xã, phường	Bảng thống kê	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại xã, phường	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.3	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp tỉnh và đánh giá kết quả thực hiện Bảng giá đất hiện hành				
	- Bảng tổng hợp giá đất cấp tỉnh	Bảng tổng hợp	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo phân tích, đánh giá kết quả thực hiện Bảng giá đất hiện hành	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2.4	Xây dựng Bảng giá đất sửa đổi, bổ sung				
	- Bảng giá đất sửa đổi, bổ sung của một loại đất, một số loại đất hoặc tất cả các loại đất; sửa đổi, bổ sung giá đất tại một vị trí đất, một số vị trí đất hoặc tất cả các vị trí đất	Bảng giá	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo thuyết minh xây dựng Bảng giá đất sửa đổi, bổ sung	Báo cáo	100	30 (nội dung kết quả đề xuất phương án)	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra %		Ghi chú
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
				<i>Bảng giá đất sửa đổi, bổ sung)</i>	

2. Bổ sung Mục XIIa vào sau Mục XII Phần A như sau:

STT	Tên công việc, sản phẩm và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Ghi chú
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
1	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất				
	Phiếu thu thập thông tin về thửa đất	Phiếu	100	20	Phiếu YKKT
2	Xây dựng hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường, hệ số điều chỉnh theo quy hoạch và hệ số điều chỉnh theo yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất				
	- Kết quả xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất	Phương án hệ số điều chỉnh giá đất	100	30	Phiếu YKKT
	- Báo cáo thuyết minh xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất	Báo cáo thuyết minh	100	30 (nội dung kết quả đề xuất phương án hệ số điều chỉnh giá đất)	Phiếu YKKT

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2026.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đã hoàn thành kiểm tra, nghiệm thu trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất các cấp; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Trưởng Thuế tỉnh Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB&TCTTHPL - Bộ Tư pháp ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐB Quốc hội và HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành;
- UBND các xã, phường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng: NNXD, KTTH;
- Lưu: VT, TH517/8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi